| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 218/2025/DS-PT
Ngày: 31/3/2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Vĩnh Hữu.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thanh Vân.

Bà Trương Thị Tuyết Linh.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Bà Mai Thị Đào Quyên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 362/2024/DS-ST, ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 772/2025/QĐ-PT ngày 25/02/2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Hoàng Đình H, sinh năm 1980; (có mặt)
Địa chỉ: Số B T, Phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn*: Hà Kim T, sinh năm 1981; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Hà Kim L, sinh năm 1988; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1984;(vắng mặt)
Địa chỉ: Số I, L, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Hà Kim T;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Hoàng Đình H trình bày:* Vào ngày 17/10/2022 bị đơn chị Hà Kim T có vay của anh số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn trả 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,66%. Khi vay chị T có thế chấp giao cho anh giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0306105, số vào sổ cấp GCN: CH01165 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/3/2015 do chị T

đứng tên để làm tin, theo hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp cùng ngày 17/10/2022. Từ khi vay đến nay chị T không trả  tiền vốn, lãi.

Nay anh yêu cầu chị T trả số tiền vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66% tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 17/10/2022 đến ngày 17/11/2024 là 25 tháng thành tiền lãi là 166.000.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 566.000.000 ( Năm trăm, sáu mươi sáu triệu) đồng.

** Theo tờ tự khai đề ngày 12/9/2024, 27/9/2024 cũng như lời khai tại phiên tòa bị đơn chị Hà Kim T trình bày:*

Năm 2022, Hà Kim L là em ruột của chị có vay của anh H số tiền là 400.000.000 đồng, do số tiền lớn anh H và chị N vợ anh H yêu cầu chị thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất của chị, nên chị có giao cho anh H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0306105, số vào sổ cấp GCN: CH01165 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/3/2015 do chị đứng tên để thế chấp cho L vay số tiền 400.000.000 đồng, không phải chị vay.

Nay chị không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện anh H.

** Theo tờ tự khai đề ngày 27/9/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Kim L trình bày:* Số tiền 400.000.000 đồng chị T đứng tên vay của anh H vào năm 2022 là của chị vay của anh H và chị Trương Thị Mỹ N, do số tiền lớn anh H, chị N yêu cầu chị mượn giấy chứng nhận QSD đất của chị T thế chấp, nên chị T có giao cho anh H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0306105, số vào sổ cấp GCN: CH01165 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/3/2015 do chị T đứng tên để thế chấp để chị vay số tiền 400.000.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả cho anh H số tiền 400.000.000 đồng do chị T đứng tên vay của anh H, không đồng ý trả tiền lãi suất.

**. Theo tờ tường trình đề ngày 19/9/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Mỹ N trình bày:* Chị là vợ của anh Hoàng Đình H, chị có biết việc anh H cho chị T vay số tiền 400.000.000 đồng và chị T có thế chấp cho anh H giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị T đứng tên. Giao dịch thỏa thuận vay tiền do anh H, chị T trực tiếp giao dịch thỏa thuận chị không tham gia. Việc tranh chấp do anh H quyết định chị không ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 362/2024/DS-ST, ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình H;

Buộc chị Hà Kim T trả cho anh Hoàng Đình H số tiền 566.000.000 (Năm trăm, sáu mươi sáu triệu) đồng (Tiền vốn 400.000.000 đồng, tiền lãi 166.000.000 đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Đình H trả cho chị Hà Kim T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 306105, số vào sổ cấp GCN: CH01165 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/3/2015 cho chị T đứng tên sau khi chị T đã thi hành trả xong tiền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Kim T chịu 26.640.000 đồng.

H1 lại anh Hoàng Đình H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000 đồng theo biên lai thu số 0015226 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 20/11/2024, bị đơn Hà Kim T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với yêu cầu: Hợp đồng ngày 17/10/2022 vô hiệu và anh H phải trả lại cho chị T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn Hà Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn Hoàng Đình H đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Kim L, đồng ý trả cho anh H số tiền vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Đình H thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản" được quy định tại Điều 463 và Điều 317 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo đề ngày 20/11/2024, biên lai tạm ứng án phí ngày 20/11/2024 thì chị T kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hà Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét việc xác lập hợp đồng vay giữa anh Hoàng Đình H và chị Hà Kim T về số tiền 400.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng vay tài sản ngày 17/10/2022, anh Hoàng Đình H có cho chị Hà Kim T vay số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn trả 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng;

Cùng ngày 17/10/2022, để đảm bảo khoản vay trên, hai bên chị T đã thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 306105, số vào sổ cấp GCN: CH01165 cấp ngày 16/3/2015 cho chị Hà Kim T; Anh Hoàng Đình H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị T;

Căn cứ vào Bản sao kê Ngân hàng về việc anh H chuyển tiền vào tài khoản cho chị T gồm hai lần: Ngày 15/10/2022, chuyển số tiền 100 triệu đồng; Ngày 17/10/2022, chuyển số tiền 300 triệu đồng;

Từ những chứng cứ và lời thừa nhận của đương sự, thì có căn cứ xác định ngày 17/10/2022, chị Hà Kim T có vay của anh Hoàng Đình H số tiền 400.000.000 đồng;

Hợp đồng vay tài sản ngày 17/10/2022, là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi suất cho vay;

Đã hết thời hạn cho vay nhưng chị T không thực hiện trả tiền và tiền lãi phát sinh cho anh H;

Vì thế anh H khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền vay là có căn cứ.

[2.2]. Xét nghĩa vụ trả nợ khi hợp đồng vay tài sản đến hạn trả tiền giữa anh Hoàng Đình H và chị Hà Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét nội dung của hợp đồng vay tài sản ngày 17/10/2022, thì chị T có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền vay là 400.000.000 đồng, sau thời hạn 12 tháng;

Chị Hà Kim T cho rằng: Chị T là người vay tiền thay cho chị L. Anh H không thừa nhận mà chỉ cho chị T vay, còn việc chị T có cho chị L vay mượn lại là việc của chị T và chị L;

Do đó cần buộc chị T phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho anh H với số tiền vay là 400.000.000 đồng, Tòa án cấp thẩm đã chấp nhận yêu cầu này của anh H là phù hợp

[2.3]. Xét lãi suất cho vay giữa các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như đã nhận định trên, hợp đồng vay tài sản ngày 17/10/2022 là hợp đồng vay tài sản có lãi suất, có thời hạn trả nợ vay;

Khi thực hiện hợp đồng vay tài sản, đến hạn trả tiền vốn gốc và lãi suất phát sinh, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn gốc và lãi suất vay cho anh H;

Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi suất 1,66/tháng với số tiền lãi phát sinh là 166.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hà Kim T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hà Kim T  phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 317, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Hà Kim T;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 362/2024/DS-ST, ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình H;

Buộc chị Hà Kim T trả cho anh Hoàng Đình H số tiền 566.000.000 (Năm trăm, sáu mươi sáu triệu) đồng (Tiền vốn 400.000.000 đồng, tiền lãi 166.000.000 đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Đình H trả cho chị Hà Kim T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 306105, số vào sổ cấp GCN: CH01165 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/3/2015 cho chị T đứng tên sau khi chị T đã thi hành trả hết tiền tiền vay cho anh H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Kim T chịu 26.640.000 đồng.

Trả lại anh Hoàng Đình H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000 đồng theo biên lai thu số 0015226 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Hà Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016172 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận**:*
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Vĩnh Hữu**